TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** *****	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *****
Số: 17/2017/QĐST-KDTM	*Chương Mỹ, ngày 30 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày **22** tháng **8** năm **2017** về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 19/2017/TLST-KDTM, ngày 06 tháng 6 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn:</u>** Công ty V; địa chỉ: Số 22 H, phường L, quận H, Thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên .

Đại diện ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Q, Địa chỉ: Tầng 1, 6, 7 tòa nhà C, số 16 phố P, phường P, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Q: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ KHCN *(theo Hợp đồng ủy quyền số 4824/2015/UQ-TCTD ngày 19/6/2015 của Công ty V và Hợp đồng số 7358/2887/UQ1-NGÂN HÀNG TMCP Q ngày 01/6/2017 sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng ủy quyền số 4824/2015/UQ-NGÂN HÀNG TMCP Q ngày 19/6/2015 của Công ty V)*

Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ KHCN ủy quyền cho ông Đinh Mạnh H, bà Lại Thị L.

*** <u>Bị đơn:</u>**

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974
2. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1970

Đều cư trú tại: xóm B, thôn T, xã T, huyện C, thành phố H.

Ông Nguyễn Hữu B ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị N (theo Giấy ủy quyền ngày 22/6/2017 có xác nhận của UBND xã T, huyện C, thành phố H).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

01. Anh Tống Quang Đ, sinh năm 1983

02. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983 *(vợ anh Đ)*

03. Cháu Tống Quang N2, sinh năm 2009 *(con anh Đ, chị N1)*

04. Cháu Tống Quang B1, sinh năm 2013 *(con anh Đ, chị N1)*

Người đại diện theo pháp luật của Cháu Tống Quang N và Cháu Tống Quang B1 là Anh Tống Quang Đ, Chị Nguyễn Thị N.

Đều cư trú tại: Đội 7, thôn T, xã T, huyện C, thành phố Hà N.

Anh Tống Quang Đ, Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị N (theo Giấy ủy quyền tại Tòa án ngày 14/7/2017)

05. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1963

06. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964

07. Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 1991

08. Cháu Nguyễn Bảo T2, sinh năm 2012 *(con anh T1)*

Người đại diện theo pháp luật của Cháu Nguyễn Bảo T2: Anh Nguyễn Đình T1 (bố cháu Bảo T2).

09. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1993

Đều cư trú tại: thôn T, xã T, huyện C, Thành phố H.

10. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1988

Cư trú tại: thôn L, xã T, huyện B, Thành phố H.

11. Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1990

Cư trú tại: số 23 GP, xã T, huyện P, thành phố H.

Ông Nguyễn Đình T, Anh Nguyễn Đình T1, Chị Nguyễn Thị T3, Chị Nguyễn Thị T4, Chị Nguyễn Thị N3 đều ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị H (theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2017 có xác nhận của UBND xã T, huyện C, thành phố H).

12. Ông Nguyễn Đình T5, sinh năm 1959

13. Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1960

14. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1939

15. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

16. Anh Nguyễn Đình T6, sinh năm 1987

17. Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1994 *(vợ anh T6)*

18. Cháu Nguyễn Đình Tùng A1, sinh năm 2013 *(con anh T6,chị Tú A)*

19. Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1991

Đều cư trú tại: thôn T, xã T, huyện C, thành phố H.

Bà Nguyễn Thị H1, Bà Đỗ Thị Y, Chị Nguyễn Thị L, Anh Nguyễn Đình T6, Anh Nguyễn Đình H2, Chị Nguyễn Thị Tú A đều ủy quyền cho Ông Nguyễn Đình T5 (theo Giấy ủy quyền ngày 13/7/2017 có xác nhận của UBND xã T, huyện C, thành phố H)

20. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1970

21. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974

22. Chị Nguyễn Thị T7, sinh năm 1995

23. Chị Nguyễn Thị T8, sinh năm 1996

24. Cháu Nguyễn Thanh T9, sinh năm 2011 (con chị T7).

Người đại diện theo pháp luật của Cháu Nguyễn Thanh T9: Chị Nguyễn Thị T7 (mẹ cháu T9).

Đều cư trú tại: xóm B, thôn T, xã T, huyện C, thành phố H.

Ông Nguyễn Hữu B, Chị Nguyễn Thị T7, Chị Nguyễn Thị T8 đều ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị N (theo Giấy ủy quyền ngày 22/6/2017 có xác nhận của UBND xã T, huyện C, thành phố H).

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

I. Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 304/HĐTD1-NGÂN HÀNG TMCP Q038/10 ngày 14/12/2010, Phụ lục hợp đồng tín dụng số 304/HĐTD1-NGÂN HÀNG TMCP Q038/10/PLHĐ ngày 23/11/2011 và 04 khế ước nhận nợ *(Khế ước nhận nợ số 304.08/KUNN1-NGÂN HÀNG TMCP Q038/10 ngày 23/11/2011; Khế ước nhận nợ số 304.09/KUNN1-NGÂN HÀNG TMCP Q038/10 ngày 25/11/2011; Khế ước nhận nợ số 304.10/KUNN1-NGÂN HÀNG TMCP Q038/10 ngày 28/11/2011; Khế ước nhận nợ số 304.11/KUNN1-NGÂN HÀNG TMCP Q038/10 ngày 30/11/2011)*: Bà Nguyễn Thị N – Chủ doanh nghiệp tư nhân và Ông Nguyễn Hữu B (chồng bà N) còn nợ và có trách nhiệm trả nợ Công ty V do Ngân hàng TMCP Q là đại diện theo ủy quyền số tiền tạm tính đến ngày 16/08/2017 là: **19.403.268.182 đồng** *(Mười chín tỷ, bốn trăm linh ba triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm tám hai đồng)*, trong đó: Nợ gốc: **6.854.621.132 đồng**; Nợ lãi trong hạn: **400.690.559 đồng**; Nợ lãi quá hạn: **12.147.956.491 đồng**.

Bà Nguyễn Thị N – Chủ doanh nghiệp tư nhân và Ông Nguyễn Hữu B (chồng bà N) phải tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày **17/8/2017** theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp Bà Nguyễn Thị N – Chủ doanh nghiệp tư nhân và Ông Nguyễn Hữu B (chồng bà N) trả nợ xong cho Công ty V do Ngân hàng TMCP Q là đại diện theo ủy quyền, Công ty V do Ngân hàng TMCP Q là đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp các tài sản đã thế chấp bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28c, tờ bản đồ số 14, diện tích 260m2 tại địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 054426 do UBND huyện C, thành phố Hà N cấp ngày 28/11/2008 cho Ông Nguyễn Hữu B **và Bà Nguyễn Thị N**

2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14, diện tích 40m^2 tại địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 441586 do UBND huyện C, thành phố Hà N cấp ngày 06/8/2009 cho Ông Nguyễn Hữu B **và Bà Nguyễn Thị N**

3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 50, diện tích 63,3m2 tại địa chỉ xóm Q, xã T, huyện L, tỉnh H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 941096 do UBND huyện L, tỉnh H cấp ngày 23/4/2008 cho Ông Nguyễn Hữu B.

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 8, diện tích 400m^2 (trong đó có 250m^2 đất ở,150m^2 đất vườn) tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 455491 do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 29/4/2002 cho hộ Ông Nguyễn Đình T5.

5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 3, diện tích 472m^2 tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 177394 do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 18/6/2002 cho hộ ông **Tống Quang Đ**.

6. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 8, diện tích 535m^2 (trong đó có 250m^2 đất ở, 285m^2 đất vườn) tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 455495 do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 29/4/2002 cho hộ Ông Nguyễn Đình T.

II. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp Bà Nguyễn Thị N – Chủ doanh nghiệp tư nhân và Ông Nguyễn Hữu B (chồng bà N) không thanh toán được số nợ trên cho Công ty V do Ngân hàng TMCP Q là đại diện theo ủy quyền, Công ty V do Ngân hàng TMCP Q là đại diện theo ủy quyền có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28c, tờ bản đồ số 14, diện tích 260m2 tại địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 054426, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01684 do UBND huyện C, thành phố Hà N cấp ngày 28/11/2008 cho Ông Nguyễn Hữu B **và Bà Nguyễn Thị N** để thu hồi số tiền tạm tính đến ngày **16/8/2017** là: **7.639.517.858 đồng**. Trong đó nợ gốc là **2.698.823.727 đồng**, nợ lãi trong hạn là **157.761.190 đồng**, nợ lãi quá hạn là **4.782.932.941 đồng**.

Bà Nguyễn Thị N, Ông Nguyễn Hữu B, Chị Nguyễn Thị T7, Chị Nguyễn Thị T8, Cháu Nguyễn Thanh T9 (con gái chị T7) và những người đang sinh sống trên đất (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28c, tờ bản đồ số 14, diện tích 260m^2 tại địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 054426, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01684 do UBND huyện C, thành phố Hà N cấp ngày 28/11/2008 cho **Ông Nguyễn Hữu B và Bà Nguyễn Thị N** để thi hành án.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14, diện tích 40m^2 tại địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 441586, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01828 do UBND huyện C, thành phố H cấp ngày 06/8/2009 cho Ông Nguyễn Hữu B **và Bà Nguyễn Thị N** để thu hồi số tiền tạm tính đến ngày **16/8/2017** là **3.360.280.681 đồng**.Trong đó nợ gốc là **1.187.091.306 đồng**, nợ lãi trong hạn là **69.392.060 đồng**, nợ lãi quá hạn là **2.103.797.315 đồng**.

Bà Nguyễn Thị N, Ông Nguyễn Hữu B, Chị Nguyễn Thị T8 (con gái bà N + ông B) và những người đang sinh sống trên đất (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 14, diện tích 40m^2 tại địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện C, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 441586, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01828 do UBND huyện C, thành phố Hà N cấp ngày 06/8/2009 cho **Ông Nguyễn Hữu B và Bà Nguyễn Thị N** để thi hành án.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 50, diện tích 63,3m2 tại địa chỉ xóm Q, xã T, huyện L, tỉnh H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 941096, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00088 do UBND huyện L, tỉnh H cấp ngày 23/4/2008 cho Ông Nguyễn Hữu B để thu hồi số

tiền tạm tính đến ngày **16/8/2017** là **2.089.795.646 đồng**. Trong đó nợ gốc là **738.265.186 đồng**, nợ lãi trong hạn là **43.155.688 đồng**, nợ lãi quá hạn là **1.308.374.772 đồng**.

Bà Nguyễn Thị N + Ông Nguyễn Hữu B và những người đang sinh sống trên đất (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 233, tờ bản đồ số 50, diện tích 63,3m^2 tại địa chỉ xóm Q, xã T, huyện L, tỉnh H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 941096 do UBND huyện L, tỉnh H cấp ngày 23/4/2008 cho **Ông Nguyễn Hữu B** để thi hành án.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 8, diện tích 400m^2 (trong đó có 250m^2 đất ở,150m^2 đất vườn) tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 455491, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00603/QSDĐ/224/QĐ-UB do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 29/4/2002 cho hộ Ông Nguyễn Đình T5 để thu hồi số tiền tạm tính đến ngày **16/8/2017** là **2.327.838.594 đồng**. Trong đó nợ gốc là **822.358.969 đồng**, nợ lãi trong hạn là **48.071.435 đồng**, nợ lãi quá hạn là **1.457.408.190 đồng.**

Ông Nguyễn Đình T5, Bà Nguyễn Thị H1, Bà Đỗ Thị Y, Chị Nguyễn Thị L, Anh Nguyễn Đình T6, Anh Nguyễn Đình H2, Chị Nguyễn Thị Tú A, cháu Nguyễn Đình Tùng A1 *(do anh H2, chị Tú A là người đại diện theo pháp luật)* và những người đang sinh sống trên đất (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 8, diện tích 400m^2 (trong đó có 250m^2 đất ở, 150m^2 đất vườn) tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 455491, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00603/QSDĐ/224/QĐ-UB do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 29/4/2002 cho **hộ** Ông Nguyễn Đình T5 để thi hành án.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 3, diện tích 472m^2 tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 177394, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00880.QSDĐ/325/QĐ-UB do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 18/6/2002 cho hộ ông **Tống Quang Đ** để thu hồi số tiền tạm tính đến ngày **16/8/2017** là **1.937.558.877 đồng**. Trong đó nợ gốc là **684.484.279 đồng**, nợ lãi trong hạn là **40.011.896 đồng**, nợ lãi quá hạn là **1.213.062.702 đồng**.

Anh Tống Quang Đ, Chị Nguyễn Thị N và 02 con là Cháu Tống Quang N, Cháu Tống Quang B1 và những người đang sinh sống trên đất (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 210, tờ bản đồ số 3, diện tích 472m^2 tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 177394 do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 18/6/2002 cho hộ ông **Tống Quang Đ** để thi hành án.

6. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 8, diện tích 535m^2 (trong đó có 250m^2 đất ở, 285m^2 đất vườn) tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

U 455495, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00602.QSDĐ/224/QĐ-UB do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 29/4/2002 cho hộ Ông Nguyễn Đình T để thu hồi số tiền tạm tính đến ngày **16/8/2017** là **2.048.276.527 đồng**. Trong đó nợ gốc là **723.597.666 đồng**, nợ lãi trong hạn là **42.298.290 đồng** và nợ lãi quá hạn là **1.282.380.571 đồng**.

Ông Nguyễn Đình T, Bà Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Đình T1, Cháu Nguyễn Bảo T2, Chị Nguyễn Thị T3, Chị Nguyễn Thị T4, Chị Nguyễn Thị N3 và những người đang sinh sống trên đất (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số số 48, tờ bản đồ số 8, diện tích 535m^2 tại địa chỉ thôn T, xã T, huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 455495 do UBND huyện C, tỉnh H (nay là thành phố H) cấp ngày 29/4/2002 cho hộ Ông Nguyễn Đình T để thi hành án.

Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bà Nguyễn Thị N + Ông Nguyễn Hữu B đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Bà Nguyễn Thị N + Ông Nguyễn Hữu B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ theo đúng hợp đồng đã ký.

III. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị N và Ông Nguyễn Hữu B tự nguyện chịu toàn bộ án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là **63.701.634** đồng.

+ Hoàn trả Ngân hàng TMCP Q số tiền **60.767.238** đồng dự phí đã nộp *(theo Biên lai thu số AA/2015/0002835 ngày 06/6/2017)* tại Chi cục Thi hành án huyện C, thành phố H.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Long